

Số: 346/KH-THKD

Yên Tử, ngày 30 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG **NĂM HỌC 2025 - 2026**

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội;
Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 2 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Căn cứ Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH, ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 từ năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Công văn số 3566/BGDĐT-GDTH, ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn tổ chức dạy học đối với lớp 1 năm học 2020 - 2021

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Khung năng lực số cho người học;

Căn cứ Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 1011/SGDĐT ngày tháng năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 293/NQ-HĐT ngày 31/7/2025 Nghị quyết của Hội đồng trường, trường Tiểu học Kim Đồng đầu năm học 2025-2026;

Trường Tiểu học Kim Đồng xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026 như sau:

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025-2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa địa phương

Sau khi thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 03 phường, xã: Phường Đông, Phường Nam, Thượng Yên Công. Phường Yên Tử là trung tâm dịch vụ, du lịch văn hóa trọng điểm phía Tây của tỉnh Quảng Ninh, nơi có Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử vừa được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới với giá trị văn hóa cốt lõi là Phật giáo Trúc Lâm; cùng với các Cụm Công nghiệp Phường Nam đang dần hình thành và đi vào hoạt động, dự án sân golf Uông Bí đã khánh thành và đang triển khai theo lộ trình; tiềm năng khai thác các sản phẩm du lịch trải nghiệm sông nước Phường Nam, du lịch văn hóa người Dao, du lịch sinh thái hồ Yên Trung,... cho thấy phường Yên Tử có tiềm năng và dư địa lớn để phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững. Trong bối cảnh chuyển mình sang mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Đảng ủy UBND phường Yên Tử đã chỉ đạo UBND phường, ngoài việc kế thừa những thành tựu đã đạt được của UBND các phường, xã: Phường Đông, Phường Nam, Thượng Yên Công trước đây, còn phải không ngừng nâng cao năng lực điều hành, tư duy kiến tạo, quyết liệt hành động nhằm đáp ứng yêu cầu cấp thiết để tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển địa phương trong giai đoạn mới.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025-2026

2.1. Đặc điểm học sinh nhà trường

Trường Tiểu học Kim Đồng mới đón đoàn đánh giá ngoài về công tác kiểm định chất lượng và công nhận trường chuẩn quốc gia chu kỳ 2020-2025 nên các hạng mục công trình, cơ sở vật chất của nhà trường tương đối đảm bảo. Căn cứ vào Quyết định số 315/QĐ-SGDĐT, ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh, trường Tiểu học Kim Đồng được cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2, thời hạn 05 năm

Nhà trường có tỉ lệ học sinh dân tộc thiểu số cao, vốn từ tiếng Việt của các em rất hạn chế, khả năng tiếp thu của học sinh còn chậm nên ảnh hưởng nhiều đến việc dạy học nhất là khi giáo viên tổ chức các hình thức dạy học, phương pháp mới.

Sự quan tâm đầu tư cho học tập của con em ở một bộ phận nhân dân còn hạn chế do điều kiện kinh tế và hoàn cảnh gia đình.

Nhà trường chưa có đủ phòng học đa chức năng, phòng học bộ môn để học sinh tham gia các hoạt động rèn luyện thể lực, hoạt động ngoại khóa.

Thiết bị của phòng Tin học chưa có, do đó ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả dạy học theo chương trình GDPT 2018 của nhà trường.

Tổng số học sinh trường có 10 lớp với 314 học sinh, trong đó nữ 170 học sinh; học sinh dân tộc 214/314 chiếm 68,2%.

Tổng số trẻ 6 tuổi vào lớp 1 năm học 2025-2026 là 60 em. Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

Lớp	TS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Hộ nghèo	Cận nghèo	HSKT	Đúng tuổi	Quá 1 tuổi	Quá 2 tuổi	Quá 3 tuổi	HS mồ côi	Bán trú	Ghi chú
1A1	30	17	18	11	0	0	0	29	1	0	0	0	24	
1A2	31	13	23	12	0	0	0	30	0	0	0	0	20	
2A1	29	19	24	17	0	0	1	28	1	0	0	0	19	
2A2	30	18	21	12	0	0	0	30	0	0	0	0	21	
3A1	29	16	17	9	0	0	1	28	0	1	0	0	12	
3A2	30	17	19	13	0	0	1	28	1	1	0	1	22	Mồ côi bố
4A1	32	18	23	11	0	0	0	32	0	0	0	1	21	
4A2	27	15	17	8	0	0	0	27	0	0	0	0	18	
5A1	39	19	28	13	0	0	2	38	2	0	0	1	24	Mồ côi bố
5A2	37	18	24	13	0	0	1	36	1	0	0	0	13	
Tổng	314	170	214	119	0	0	6	306	6	2	0	3	194	

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý nhà trường

2.2.1. Về số lượng:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Đảng viên	Trình độ đào tạo		
					Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	1	1	0	1	0	1	0
Phó hiệu trưởng	1	1	0	1	0	1	0
Giáo viên	17	17	4	16	0	17	0
Nhân viên	2	2	0	1	0	2	0
Cộng	21	21	04	19	0	21	0

- Tỷ lệ giáo viên/lớp: 16/10 đạt 1,6GV/lớp: trong đó chưa tính số tiết giảm trừ của GV làm TT, TPCM, TKHĐ, nhân viên Giáo vụ, nhân viên hỗ trợ tư vấn...

- Đảng viên: 19 đồng chí đạt tỷ lệ 90,5%

2.2.2. Về chất lượng:

- Cán bộ quản lý có trình độ đào tạo đáp ứng các tiêu chí của trường chuẩn Quốc Gia mức độ 2, được đánh giá đạt Tốt theo Chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng; tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về chuyên môn do Phòng GDĐT tổ chức, có năng lực trong công tác điều hành chỉ đạo nhà trường.

- Đội ngũ giáo viên (13 giáo viên văn hóa, 01 giáo viên Âm nhạc, 01 giáo viên Mĩ thuật, 02 giáo viên Tiếng Anh). 17/17=100% giáo viên của nhà trường có trình độ đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

2.3. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Hệ thống phòng học:

Trường có 02 dãy nhà học 2 tầng gồm 10 phòng học, đủ mỗi lớp có 1 phòng học riêng, các phòng học có diện tích bình quân đạt $1,58\text{m}^2/\text{HS}$. Phòng học có bàn ghế đủ chỗ ngồi cho HS và GV, bảng lớp sử dụng bảng chống loá sơn màu xanh có dòng kẻ, có kích thước đúng quy định được treo ở vị trí trung tâm, dễ quan sát, dễ sử dụng. Mỗi phòng học đều có tủ, giá sách, giá đựng đồ dùng đầy đủ được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng. Tháng 5/2025 dãy nhà học B được Phòng GDDT thành phố Uông Bí đầu tư sửa các hạng mục: lát nền, thay hệ thống cửa chính và cửa sổ, sơn tường và thay bóng điện.

Trường có 05 phòng học bộ môn gồm: 01 phòng Nghệ thuật để tổ chức dạy học các môn Âm nhạc và Mỹ thuật; 01 phòng khoa học và công nghệ; 01 phòng Tin học; 01 phòng ngoại ngữ.

Khối phòng hỗ trợ học tập có 05 phòng gồm: 01 phòng thư viện; 01 phòng thiết bị giáo dục; 01 phòng tư vấn học đường và hỗ trợ học sinh khuyết tật học hoà nhập; 01 phòng truyền thống; 01 phòng Đội thiếu niên. Thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thư viện đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường sử dụng Website Thư viện điện tử để giới thiệu đến bạn đọc Tài nguyên thông tin của thư viện. Thư viện đã sử dụng phần mềm quản lý thư viện VietBiblio được truy cập theo địa chỉ: <http://tvthkimdonguonngbi.lcp.vn:84>; giúp NV thư viện nhà trường thuận lợi xử lý nghiệp vụ thư viện, kết xuất các biểu mẫu thống kê, sổ sách điện tử, dữ liệu để phục vụ công tác quản lý thư viện cũng như hỗ trợ công tác lập báo cáo.

Để chuẩn bị cho năm học 2025-2026, nhà trường đã xây dựng kế hoạch rà soát, cải tạo cơ sở vật chất, dọn vệ sinh các phòng học và phòng làm việc. Bố trí lớp học, bàn giao cho giáo viên chủ nhiệm để chuẩn bị đón học sinh tựu trường.

- Hệ thống vệ sinh: Nhà trường hiện tại có khu vệ sinh học sinh riêng biệt cho học sinh nam và học sinh nữ, có hệ thống bể phốt chìm đảm bảo không làm ô nhiễm môi trường. Các thiết bị vệ sinh thuận tiện cho học sinh sử dụng, đảm bảo an toàn và sạch sẽ. Tuy nhiên chưa có khu vệ sinh riêng cho từng dãy nhà, đây là một tiêu chí cứng cần bổ sung khi trường đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

- Hệ thống điện, nước, các thiết bị khác: Có nguồn điện ổn định, hệ thống đèn thấp sáng, quạt mát (đảm bảo tiêu chuẩn ánh sáng do Bộ Y tế quy định theo Quyết định số 1221/200/QĐ-BYT ngày 18/4/2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế); có hệ thống cửa sổ kính, rèm cửa đảm bảo thông thoáng về mùa hè, kín gió về mùa đông. Phòng học được trang bị máy tính, loa, máy chiếu, màn hình ti vi.

- Sân chơi và khuôn viên trường:

Nhà trường có tổng diện tích là $6.534,1\text{m}^2$ với khu sân chơi, thể dục thể thao có diện tích 1.700m^2 , tỉ lệ $5\text{m}^2/1\text{HS}$; có khu vực tập thể dục có mái che (100m^2), có sân

tập riêng cho một số môn thể thao như đá bóng, đá cầu, điền kinh; khu thiết bị vận động có nhiều thiết bị cho HS vui chơi, sân chơi được lát bằng gạch đất nung. Sân trường được nhà trường thuê nhân viên vệ sinh quét dọn hàng ngày. Khu vực sân thể chất của nhà trường chưa có hệ thống thảm cỏ nhân tạo; gạch nền của khu sân chơi vỡ hỏng nhiều, nhà trường đã khắc phục sửa chữa và lát lại gạch ở một số chỗ hỏng, vỡ nhiều.

UBND phường Yên Tử cho phép cho nhà trường sử dụng Nhà văn hóa khu Năm Mẫu II - Phường Yên Tử để sử dụng làm nhà đa năng phục vụ công tác giáo dục thể chất, nghệ thuật, tổ chức các hoạt động giáo dục, sinh hoạt tập thể cho học sinh. Nhà trường cam kết sẽ phối hợp chặt chẽ với UBND phường và Lãnh đạo khu Năm Mẫu II để xây dựng lịch sử dụng hợp lý, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến các hoạt động của địa phương và sinh hoạt cộng đồng.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025-2026

1. Mục tiêu chung

1.1. Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả CTGDPT; thực hiện hiệu quả dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục tiểu học.

1.2. Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, quy hoạch hợp lý mạng lưới trường lớp, đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; bố trí đội ngũ giáo viên hợp lý; có giải pháp phù hợp, kịp thời để hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục trong bối cảnh sáp nhập địa giới hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

1.3. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tạo cơ hội, điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM trong từng bài, từng chuyên đề, từng hoạt động giáo dục, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI); nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, chuẩn bị các điều kiện để đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai.

1.4. Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện hiệu quả giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật.

1.5. Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị trường học; tăng cường kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; tập trung tham mưu cấp ủy địa phương đưa giáo dục nói chung và phổ thông nói riêng vào chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội các cấp với các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện của địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

Phương châm hoạt động của trường: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tận tụy, trách nhiệm, uy tín; Tất cả vì học sinh thân yêu. Học sinh tự giác học tập, lao động để có kiến thức, năng lực, phẩm chất, nhân tố tích cực được phát hiện và bồi dưỡng.

Tầm nhìn: Trường có khả năng bồi dưỡng, giáo dục học sinh đạt chất lượng cao, khích lệ cá nhân biết vượt khó, tự lực vươn lên thành công.

Sứ mạng: Tạo dựng được môi trường học tập tốt; từng bước phát triển toàn

diện học sinh theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế. Cán bộ quản lý, giáo viên có bản lĩnh, có kỹ năng vận dụng phương pháp, hình thức dạy học phát huy năng lực học sinh, mạnh dạn, sáng tạo; đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị trường học.

Số lượng, chất lượng các hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học.

2.1. Chỉ tiêu về phẩm chất, năng lực học sinh học sinh sẽ đạt được sau khi kết thúc năm học đối với từng khối lớp

Nội dung		Khối 1 (61 học sinh)			Khối 2 (59 học sinh)			Khối 3 (59 học sinh)			Khối 4&5 (135 học sinh)		
		T (%)	Đ (%)	C (%)	T (%)	Đ (%)	C (%)	T (%)	Đ (%)	C (%)	T (%)	Đ (%)	C (%)
Năng lực chung	Tự chủ & tự học	65	35	0	70	30	0	70	30	0	70	30	0
	Giao tiếp & hợp tác	65	35	0	70	30	0	70	30	0	70	30	0
	Giải quyết vấn đề & sáng tạo	65	35	0	70	30	0	70	30	0	70	30	0
Năng lực riêng	Ngôn ngữ	65	35	0	70	30	0	70	30	0	70	30	0
	Tính toán	65	35	0	70	30	0	70	30	0	70	30	0
	Khoa học	65	35	0	70	30	0	70	30	0	70	30	0
	Thẩm mỹ	65	35	0	70	30	0	70	30	0	70	30	0
	Thể chất	65	35	0	70	30	0	70	30	0	70	30	0
	TH&CN (Công nghệ)							70	30	0	70	30	0
	Tin học & CN (Tin học)							70	30	0	70	30	0
Phẩm chất	Yêu nước	75	25	0	80	20	0	80	20	0	80	20	0
	Nhân ái	75	25	0	80	20	0	80	20	0	80	20	0
	Chăm chỉ	75	25	0	80	20	0	80	20	0	80	20	0
	Trung thực	75	25	0	80	20	0	80	20	0	80	20	0
	Trách nhiệm	75	25	0	80	20	0	80	20	0	80	20	0

2.2. Chỉ tiêu về số lượng, chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học

Số TT	Môn học	Lớp	Tổng số HS (%)	Hoàn thành tốt (%)	Hoàn thành (%)	Chưa hoàn thành (%)
1	Toán	1-5	314	55	45	0
2	Tiếng Việt	1-5	314	55	45	0
3	Đạo đức	1-5	314	70	30	0
4	Tự nhiên và xã hội	1-3	179	70	30	0
5	Khoa học	4-5	135	70	30	0
6	Lịch sử & Địa lý	4-5	135	60	40	0
7	HĐTN	1-5	314	75	25	0
8	Tin học	3-5	194	70	30	0
9	Công nghệ	3-5	194	70	30	0
10	Nghệ thuật (ÂN)	1-5	314	55	45	0
11	Nghệ thuật (MT)	1-5	314	55	45	0
12	GDTC	1-5	314	55	45	0
13	Ngoại ngữ	1-5	314	55	45	0

- Duy trì sĩ số: 100%

- Học sinh hoàn thành chương trình lớp học: 314/314 em, đạt tỷ lệ: 100%.

- Học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học: 76/76 em, đạt tỷ lệ: 100%.

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

1.1. Dự kiến tổng số tiết các môn học trong từng tuần của các khối lớp

Khối 1: Học kì I

Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng
Tiếng Việt	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	216
Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
NTAN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
NTMT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	450
Tiếng Anh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
TCTV	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	0	2	32
Đọc tại TV	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	2
TCT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	17
GDCDS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
BDNTAN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	17
BDNTMT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	17
Tổng số tiết trong tuần	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	28	33	589

Học kì II

Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng
Tiếng Việt	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	14	4	14	14	14	204
Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	1	3	4	3	51
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	2	1	1	17
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	3	3	2	34
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	3	2	2	34
NTAN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
NTMT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	28	11	30	29	27	425
Tiếng Anh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
TCTV	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	0	0	0	0	0	23
Đọc tại TV	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2
TCT	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	1	1	0	0	0	0	1	12
GDCDS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
BDNTAN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	1	1	15
BDNTMT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	0	1	14
Tổng số tiết trong tuần	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	14	33	33	33	542

Khối 2: Học kì I

Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng
Tiếng Việt	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	180
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
NTAN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
NTMT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	450
Tiếng Anh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
TCTV	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	2	0	2	32
Đọc tại TV	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	2
TCT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	17
GDCDS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
BDNTAN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	17
BDNTMT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	17
Tổng số tiết trong tuần	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	28	33	589

Học kì II

Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng
Tiếng Việt	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	12	12	5	11	10	10	170
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	6	6	1	6	6	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	0	1	1	1	17
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	0	3	2	2	34
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	3	3	2	34
NTAN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
NTMT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	28	30	11	29	27	25	425
Tiếng Anh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
TCTV	2	2	2	2	2	1	2	2	1	2	2	0	0	0	1	1	2	24
Đọc tại TV	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2
TCT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	0	0	1	1	13
GDCDS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
BDNTAN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	0	1	1	14
BDNTMT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	0	0	1	13
Tổng số tiết trong tuần	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	14	33	33	33	542

Khối 3: Học kì I

Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	126
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	36
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
NTÂN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
NTMT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
TA	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
CN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	27	29	504
TCTV	1	2	2	1	2	2	1	1	2	2	2	1	2	1	2	1	0	1	26
Đọc tại TV	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	2
TCT	1	1	1	0	1	1	1	0	1	1	1	0	1	1	1	0	0	1	13
GDCDS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
PHTN	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0	8
BDÂN	1	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	0	9
BDMT	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	0	1	9
Tổng số tiết trong tuần	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	28	33	589

Học kì II

Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	8	8	8	9	1	8	7	7	119
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	6	5	6	6	1	6	5	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	2	1	1	17
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	0	2	3	2	34
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	3	3	2	34
NTÂN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
NTMT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
TA	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
CN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	28	28	28	28	28	28	28	28	28	30	29	30	32	13	32	30	28	476
TCTV	2	0	2	2	0	2	1	2	1	0	1	0	0	0	0	0	2	15
Đọc tại TV	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
TCT	1	0	1	1	1	1	1	1	0	1	1	0	0	0	0	1	1	11
GDCDS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
PHTN	0	2	0	0	2	0	0	0	2	0	0	2	0	0	0	0	0	8
BDÂN	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	1	6
BDMT	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0	1	0	7
Tổng số tiết trong tuần	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	14	33	33	33	542

Khối 4**Học kì I**

TUẦN	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	5	9	126
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	6	4	5	90
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
LS&ĐL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
NTÂN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
NTMT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
TA	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
CN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	31	27	32	540
TC-BD	2	2	0	1	2	0	2	2	2	2	2	1	0	2	0	1	0	0	21
Đọc tại TV	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2
GDCDS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
PHTN	0	0	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0	8
Tổng số tiết trong tuần	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	28	33	589

Học kì II

TUẦN	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	8	8	8	8	8	9	0	7	7	7	119
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	6	6	6	6	5	1	5	5	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	2	1	1	17
LS&ĐL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	3	3	2	34
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	3	34
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	3	3	34
NTÂN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
NTMT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
TA	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
CN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	31	32	32	32	32	32	13	32	32	32	510
TC-BD	0	2	0	1	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5
Đọc tại TV	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
GDCDS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
PHTN	2	0	2	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8
Tổng số tiết trong tuần	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	14	33	33	33	542

Khối 5**Học kì I**

TUẦN	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	5	9	126
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	6	4	5	90
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
LS&ĐL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
NTÂN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
NTMT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
TA	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
CN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	31	27	32	540
TC-BD	2	0	1	2	0	2	2	0	2	2	2	2	1	0	2	1	0	0	21
Đọc tại TV	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	2
GDCDS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
PHTN	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8
Tổng số tiết trong tuần	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	28	33	589

Học kì II

TUẦN	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	8	8	8	8	8	9	0	7	7	7	119
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	6	6	6	6	5	1	5	5	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	2	1	1	17
LS&DL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	3	3	2	34
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	3	34
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	3	3	34
NTÂN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
NTMT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
TA	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
CN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	31	32	32	32	32	32	13	32	32	32	510
TC-BD	0	2	1	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5
Đọc tại TV	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
GDCDS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
PHTN	2	0	0	2	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8
Tổng số tiết trong tuần	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	14	33	33	33	542

1.2. Dự kiến tổng số tiết các môn học trong cả năm học của các lớp

T T	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII
I. Môn học/ hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	TN&XH	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
5	GDTC/TD	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
6	NT (ÂN,MT)	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
7	HĐTN	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
8	Công nghệ							35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	Tin học							35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	LS&ĐL										70	36	34	70	36	34
11	Khoa học										70	36	34	70	36	34
II. Môn học tự chọn																
12	TA (Tự chọn)	70	36	34	70	36	34	140	72	68	140	72	68	140	72	68
III. Hoạt động tăng cường, bồi dưỡng																
13	TC TV	55	32	23	56	32	24	41	26	15						
14	TC Toán	29	17	12	30	17	13	24	13	11						
15	Đọc tại TV	4	2	2	4	2	2	4	2	2	4	2	2	4	2	2
16	GDKNCDS	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
17	TC-BD										26	21	5	26	21	5
18	BDNT ÂN	32	17	15	31	17	14	15	9	6						
19	BDNT MT	31	17	14	30	17	13	16	9	7						
20	PHTN							16	8	8	16	8	8	16	8	8
TS tiết học cả năm		1131	589	542	1131	589	542	1131	589	542	1131	589	542	1131	589	542

- Các tiết tăng cường Tiếng Việt, tăng cường Toán, TC-BD, BDNTÂN, BDNTMT để tăng cường phụ đạo HS chưa hoàn thành, bồi dưỡng học sinh năng khiếu, củng cố kiến thức các môn học để học có đủ các điều kiện hoàn thành kiến thức, kỹ năng các môn học trong chương trình.

- Bố trí đủ 1 tiết/tuần để tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn tại Công văn số 2197/SGDĐT-GDTrH ngày 11/9/2019 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tin học trong các trường phổ thông từ năm học 2019-2020; tạo cơ hội cho học sinh lớp 1, lớp 2 được tiếp cận giáo dục Tin học để thực hiện “*hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số*” theo Thông tư số 02/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ GDĐT quy định về Khung năm lực số cho người học.

- Sắp xếp các tiết tăng cường Tiếng Việt, tăng cường Toán, TC-BD liên nhau ở một số tuần để dạy 02 tiết/ tháng đối với phòng học trải nghiệm lớp 3-4-5.

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học (*Phụ lục 1*)

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

a. Tổ chức Câu lạc bộ

Nhà trường tiếp tục duy trì và triển khai hiệu quả các hoạt động câu lạc bộ học sinh để tổ chức các hoạt động giáo dục (*CLB Văn Toán tuổi thơ, CLB Tiếng Anh*) trên tinh thần tự nguyện tham gia của học sinh; Khuyến khích HS đăng ký tham gia trên tinh thần tự nguyện sân chơi “Trạng Nguyên tiếng Việt” trên Internet.

Nhà trường phân công giáo viên có năng lực chuyên môn tốt làm chủ nhiệm các CLB và sẽ bố trí thời gian sinh hoạt của các CLB từ 1-2 buổi/tuần.

Sân chơi “Trạng Nguyên tiếng Việt”, đấu trường Vioedu trên Internet do giáo viên chủ nhiệm tường lớp từ lớp 1-5 trực tiếp hướng dẫn HS đăng ký và tham gia.

b. Tổ chức bán trú

- Thực hiện sau giờ học buổi sáng đến trước khi bắt đầu giờ học buổi chiều từ thứ Hai đến thứ Năm hàng tuần (từ 10 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút).

- Tổng số học sinh năm học 2025-2026: 314 học sinh/10 lớp, trong đó 120 học sinh đăng ký ăn nghỉ bán trú/10 lớp.

- Nhà trường tổ chức hoạt động cho học sinh bán trú sau giờ học chính thức trong ngày và trong thời gian bán trú tại trường (*chỉ áp dụng với học sinh ăn- nghỉ bán trú*), như sau:

STT	Nội dung	Đối tượng/ quy mô	Thời gian	Địa điểm
1	Ăn trưa	216 HS	10h30 -11h10 (40 phút)	Phòng ăn
2	Đọc sách	216 HS	11h10 - 11h30 (20 phút)	Thư viện 10 phòng/lớp
3	Ngủ trưa	216 HS	11h30 -13h00 (1,5h)	10 phòng/lớp
4	Vệ sinh cá nhân	216 HS	13h00 - 13h15 (15 phút)	Khu vệ sinh học sinh

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho 100% học sinh từ khối 1 đến khối 5, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; bố trí 9 buổi/tuần với 33 tiết/tuần.

Thực hiện Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh:

- Ngày tựu trường:
- + Lớp 1: Thứ Sáu, ngày 22/8/2025
- + Lớp 2-5: Thứ Sáu, ngày 29/8/2025
- Ngày khai giảng: Thứ Sáu, ngày 05/9/2025
- Ngày bắt đầu và ngày kết thúc học kỳ I, học kỳ II và kết thúc năm học:

Học kỳ I		Học kỳ II		Kết thúc năm học
Ngày bắt đầu học kì	Ngày kết thúc học kì	Ngày bắt đầu học kì	Ngày kết thúc học kì	
05/9/2025 (thứ Năm)	09/01/2026 (thứ Sáu)	12/01/2026 (thứ Hai)	22/5/2026 (thứ Sáu)	29/5/2026 (thứ Sáu)

- Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học trước ngày 20/5/2026
- Ngày bế giảng năm học: Thứ Sáu, ngày 29/5/2026
- Thời gian nghỉ Tết Nguyên đán: từ ngày 16/02/2026 (Thứ Hai, ngày 29 tháng Chạp) đến hết ngày 28/02/2026 (Thứ Bảy, ngày 12 tháng Giêng).

4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học

Tại trường Tiểu học Kim Đồng thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

Tuần	Từ ngày	Đến ngày	Ghi chú
HỌC KÌ I			
1	08/9/2025	12/9/2025	
2	15/9/2025	19/9/2025	
3	22/9/2025	26/9/2025	
4	29/9/2025	03/10/2025	
5	06/10/2025	10/10/2025	Tết Trung thu (06/10/2025)
6	13/10/2025	17/10/2025	

Tuần	Từ ngày	Đến ngày	Ghi chú
7	20/10/2025	24/10/2025	
8	27/10/2025	31/10/2025	
9	03/11/2025	07/11/2025	
10	10/11/2025	14/11/2025	KTĐK giữa HK1
11	17/11/2025	21/11/2025	Lễ kỷ niệm ngày Nhà Giáo VN (20/11/2025):
12	24/11/2025	28/11/2025	
13	01/12/2025	05/12/2025	
14	08/12/2025	12/12/2025	
15	15/12/2025	19/12/2025	
16	22/12/2025	26/12/2025	
17	29/12/2025	02/01/2026	Tết dương lịch (01/01/2026), học 28 tiết KTĐK cuối HK1
18	05/01/2026	09/01/2026	
HỌC KÌ II			
19	12/01/2026	16/01/2026	
20	19/01/2026	23/01/2026	
21	26/01/2026	30/01/2026	
22	02/02/2026	06/02/2026	
23	09/02/2026	13/02/2026	
			16/2- 27/2/2026 NGHỈ TẾT
24	02/3/2026	06/3/2026	
25	09/3/2026	13/3/2026	
26	16/3/2026	20/3/2026	
27	23/3/2026	27/3/2026	KTĐK giữa HK2
28	30/3/2026	03/4/2026	
29	06/4/2026	10/4/2026	
30	13/4/2026	17/4/2026	
31	20/4/2026	24/4/2026	
32	27/4/2026	01/5/2026	Giỗ Tổ HV ngày 26/4 (chủ nhật) – ngỉ bù 01 ngày Nghỉ ngày 30/4, 01/5 – ngỉ 02 ngày (Học 14 tiết)
33	04/5/2026	08/5/2026	
34	11/5/2026	15/5/2026	KTĐK cuối năm
35	18/5/2026	22/5/2026	

- Một số môn học/ hoạt động giáo dục bị giảm số tiết do nghỉ bù ngày lễ và sử dụng dạy 02 tiết/ tháng tại phòng học trải nghiệm đối với lớp 3-4-5:

+ Lớp 1

Môn học/ HĐGD	TS tiết trong tuần	Số tiết sử dụng cho dạy bù	Số tiết thực dạy trong năm học
TC TV	2	Sử dụng để dạy Tiếng Việt, tiết đọc tại thư viện tuần 9, 16, 17, 29, 32, 33, 34, 35	55
TC Toán	1	Sử dụng để dạy Tiếng Việt, tiết đọc tại thư viện tuần 17, 23, 31, 32, 33, 34	29
BDNTÂN	1	Sử dụng để dạy Tiếng Việt tuần 17, 29	33
BDNTMT	1	Sử dụng để dạy Tiếng Việt tuần 17, 32, 33	32

+ Lớp 2

Môn học/ HĐGD	TS tiết trong tuần	Số tiết sử dụng cho dạy bù	Số tiết thực dạy trong năm học
TC TV	2	Sử dụng để dạy Tiếng Việt, tiết đọc tại thư viện tuần 8, 15, 24, 27, 30, 31, 32, 33, 34	56
TC Toán	1	Sử dụng để dạy Tiếng Việt tuần 17, 30, 31, 32, 33	30
BDNTÂN	1	Sử dụng để dạy Tiếng Việt tuần 17, 31, 32, 33	31
BDNTMT	1	Sử dụng để dạy Tiếng Việt tuần 17, 31, 32, 33, 34	30

+ Lớp 3

Môn học/ HĐGD	TS tiết trong tuần	Số tiết sử dụng cho dạy bù	Số tiết thực dạy trong năm học
TC TV	2	- Sử dụng để dạy Tiếng Việt, tiết đọc tại thư viện tuần 7; 14; 20; 25 - Sử dụng để dạy tại PHTN trong các tuần 04, 08, 12, 16, 20, 23, 27, 31	41
TC Toán	1	- Sử dụng để dạy Tiếng Việt tuần 17, 29 - Sử dụng để dạy tại PHTN trong các tuần 04, 08, 12, 16, 20, 23, 27, 30	24
BDNTÂN	1tiết/2tuần	Sử dụng để dạy Tiếng Việt tuần 17, 30, 32	15
BDNTMT	1tiết/2tuần	Sử dụng để dạy Tiếng Việt tuần 17, 31, 33	16

+ Lớp 4&5

Môn học/ HĐGD	TS tiết trong tuần	Số tiết sử dụng cho dạy bù	Số tiết thực dạy trong năm học
TC-BD	2	Sử dụng để dạy Tiếng Việt, tiết đọc tại thư viện, dạy tại PHTN	26

5. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

5.1. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1: *Phụ lục 2.1*

5.2. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2: *Phụ lục 2.2*

5.3. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3: *Phụ lục 2.3*

5.4. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4: *Phụ lục 2.4*

5.5. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5: *Phụ lục 2.5*

V. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

1.1. Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Hiệu trưởng ban hành quy định về quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tài sản nhà trường để đảm bảo 100% các hệ thống ứng dụng CNTT trong trường phải được đưa vào cơ chế quy định về quản lý, khai thác và sử dụng

- Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm trước cơ quan cấp trên nếu để xảy ra thất thoát, lãng phí trong quá trình bảo quản, sử dụng.

1.2. Tăng cường và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục

- Giao đồng chí phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học, kế hoạch sử dụng bộ thiết bị đổi mới phương pháp dạy học lấy học sinh làm trung tâm của phòng RobotiC/phòng Khoa học - Công nghệ. Yêu cầu phải có biện pháp và kế hoạch cụ thể để giáo viên sử dụng theo 2 hình thức sau:

+ Thực hiện dạy học lồng ghép vào các môn học Tự nhiên xã hội, Khoa học

+ Thực hiện dạy học trải nghiệm (tại phòng học trải nghiệm) đối với học sinh khối 3, 4, 5 với thời lượng 2 tiết/tháng (*bố trí 02 tiết liền nhau trong buổi 2 vào các tiết TC tiếng Việt/TC Toán/TC-BD*).

- Tổ chức kiểm tra, rà soát thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để có kế hoạch sửa chữa và mua sắm theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu được quy định tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học.

- Chỉ đạo nhân viên thiết bị - thư viện thực hiện quản lý tốt đồ dùng dạy học; 100% GV lên lớp sử dụng thành thạo các đồ dùng dạy học đã được cấp phát. Có ý thức bảo quản và giữ gìn cẩn thận tránh rách nát, hỏng. Tất cả các thiết bị mượn phải ký cụ thể về số và chất lượng - trả phải bàn giao ký sổ cụ thể không được gửi trả.

Nhân viên phụ trách thiết bị nếu không tuân thủ quy định của nhà trường mất, hỏng phải bồi thường.

- Nhân viên phụ trách thiết bị: Quản lý, bảo quản và sắp xếp khoa học các thiết bị trong phòng học bộ môn theo nhóm, chủng loại thiết bị và theo khối lớp; Lập kế hoạch mua sắm bổ sung, sửa chữa các thiết bị đơn giản và thanh lý, tiêu hủy các thiết bị hết hạn sử dụng; Chuẩn bị các điều kiện và các thiết bị thí nghiệm theo yêu cầu của từng môn học, bài học có sử dụng thiết bị để thực hành, thí nghiệm trong phòng học bộ môn hoặc trên lớp; Phối hợp với giáo viên hướng dẫn học sinh thực hành thí nghiệm; Bảo quản các điều kiện về an toàn phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hành thí nghiệm; Quản lý, lưu giữ và sử dụng hệ thống hồ sơ sổ sách theo dõi việc quản lý, khai thác sử dụng và bảo quản thiết bị dạy học của phòng học bộ môn; Hướng dẫn giáo viên học sinh thực hiện nội quy quy trình sử dụng bảo đảm an toàn trong quá trình thực hành thí nghiệm; Lập báo cáo định kỳ, thường xuyên về công tác thiết bị dạy học.

- GVBM (*GV dạy tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật, GDTC*) có trách nhiệm xây dựng nội dung các tiết học có thí nghiệm thực hành hoặc sử dụng thiết bị dạy học trên lớp theo yêu cầu của chương trình môn học; phối hợp với nhân viên thiết bị tổ chức thực hiện các thí nghiệm thực hành trong phòng học bộ môn hoặc mượn thiết bị để tổ chức dạy học trên lớp

- Tăng cường công tác tuyên truyền đến học sinh việc bảo vệ tài sản, bàn ghế trong phòng học, sắp xếp lớp học phù hợp với bàn ghế để đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

2. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

2.1. Đảm bảo đội ngũ giáo viên triển khai Chương trình

Nhà trường chủ động đề xuất với UBND phường Yên Tử để được bổ sung 03 GV (*01 GV văn hóa, 01 GVGDTC, 01 GV Tin học*) cho năm học 2025-2026. Bảo đảm phân công hợp lý giáo viên để tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học theo CTGDPT.

2.2. Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và tăng cường hoạt động sinh hoạt chuyên môn

** Tổ chức tốt việc tập huấn tại nhà trường và cử GV tham gia các đợt tập huấn do Sở GDĐT tổ chức, cụ thể như:*

- Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học tích cực, phù hợp với đặc thù môn học/hoạt động giáo dục nhằm phát huy phẩm chất, năng lực học sinh;

- Xây dựng ma trận, đề kiểm tra theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT;

- Ứng dụng AI trong giảng dạy các môn học/ hoạt động giáo dục;

- Thiết kế và sử dụng học liệu video trong dạy học theo định hướng phát triển năng lực số cho học sinh tiểu học;
- Thực hành, trao đổi thảo luận các nội dung tập huấn.

** Thực hiện bồi dưỡng thường xuyên năm học 2025-2026:*

Link đăng ký học: <https://temis.csdl.edu.vn/temis/learn/in-progress-courses>

- Chuyên đề: Nâng cao năng lực tổ chức hoạt động dạy học tăng cường kỹ năng đọc, viết cho học sinh tiểu học có đáp ứng giới.
- Chuyên đề: Nâng cao năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm tăng cường kỹ năng đọc, viết cho học sinh tiểu học có đáp ứng giới.

Các chuyên đề và bộ tài liệu ELM, TCDV được cập nhật tại link: <http://phuongphaptiepcan.sciv.vn>

** Tổ chức bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên môn*

- Tổ chức bồi dưỡng
 - + Chọn cử 10 GV tập huấn sử dụng AI làm trợ lý ảo cho giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học: Hỗ trợ soạn giáo án, xây dựng kế hoạch dạy học, gợi ý câu hỏi, giải thích kiến thức. Ứng dụng AI trong kiểm tra, đánh giá: Hỗ trợ soạn bài kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ, xây dựng ngân hàng câu hỏi; phân tích năng lực của học sinh nhằm định hướng và đưa ra phương pháp dạy học hiệu quả đối với từng nhóm học sinh. Xây dựng nguồn học liệu số, bài giảng điện tử nhằm nâng cao chất lượng dạy học trực tuyến: Hướng dẫn tạo video, hình ảnh bằng AI, chuyển văn bản thành giọng nói, ...
 - + 01 CBQL tham gia tập huấn về đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học tích cực; xây dựng ma trận, đề kiểm tra theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT đối với môn Tiếng Việt
 - + 100% GV và CBQL tham gia tập huấn Ứng dụng AI trong giảng dạy các môn học/hoạt động giáo dục cấp tiểu học
 - + Ngoài các nội dung trên, GV và CBQL tham gia các lớp bồi dưỡng tập huấn khác liên quan đến thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo yêu cầu của cấp trên: Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ.

- Sinh hoạt chuyên môn: Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học và công văn 1023/SGDĐT-GDTH ngày 28/4/2020 của Sở GDĐT về hướng dẫn sinh hoạt tổ chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

** Tăng cường công tác kiểm tra, tự kiểm tra, đánh giá giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.*

Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm trước Sở GDĐT, Ủy ban nhân dân cấp phường Yên Tử về công tác kiểm tra giám sát để uốn nắn những lệch lạc trong việc thực hiện chuyên môn, việc tuân thủ pháp luật đối CB, GV, NV của đơn vị.

Thực hiện nghiêm túc, đánh giá khách quan kết hợp giữa đánh giá theo chuẩn với xếp loại thi đua và xếp loại viên chức cuối năm; chú trọng đánh giá tiết học đạt chuẩn đầu ra về năng lực, phẩm chất đạt được của học sinh.

Tổ chức hiệu quả sinh hoạt chuyên môn tại các tổ khối trong trường, cụm trường. **Từ năm học 2025- 2026, thực hiện việc đánh giá giờ dạy giáo viên theo hướng dẫn mới.**

Xây dựng kế hoạch và tổ chức đề giáo viên tự nguyện đăng ký tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường (tháng 12 năm 2025) theo Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019; lựa chọn giáo viên đủ tiêu chuẩn tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Phường (nếu có) và Hội thi giáo viên tiểu học dạy giỏi/GVCN cấp Tỉnh 5 (nếu Sở GDĐT tổ chức).

- Tổ chức thi sử dụng AI làm trợ lý ảo cho giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học học trong 100% giáo viên nhà trường.

3. Sử dụng sách giáo khoa

3.1. Bộ sách sử dụng các môn học bắt buộc

Đảm bảo mỗi HS có 01 bộ SGK để sử dụng; GV dẫn HS sử dụng sách vở hàng ngày hiệu quả, phù hợp tránh mang theo nhiều sách vở khi đến trường. Sử dụng hiệu quả sách và tài liệu tại thư viện nhà trường.

* Lớp 1

STT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (T.c.biên)
2	Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (T.c.biên)
4	TN-XH	Cánh diều	Mai Sĩ Tuấn (T.c.biên)
5	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ thị Minh Chính (T.c.biên)
6	Mĩ thuật	Cánh diều	Phạm Văn Tuyền (T.c.biên)
7	GDTC	Cánh diều	Đặng Ngọc Quang (T.c.biên)
8	HĐTN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Sĩ Tụng (T.c.biên)
9	Tiếng Anh	I-lear Smart Star	Nguyễn Thị Ngọc Quyên

* Lớp 2

STT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (T.c.biên)
2	Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (T.c.biên)
4	TN-XH	Cánh diều	Mai Sĩ Tuấn (T.c.biên)
5	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ thị Minh Chính (T.c.biên)

6	Mĩ thuật	Cánh diều	Nguyễn Thị Đông (T.c.biên)
7	GDTC	Cánh diều	Lưu Quang Hiệp (T.c.biên)
8	HĐTN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (T.c.biên)
9	Tiếng Anh	I-lear Smart Star	Nguyễn Thị Ngọc Quyên

* *Lớp 3*

STT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (T.c.biên)
2	Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (T.c.biên)
4	TN-XH	Cánh diều	Mai Sĩ Tuấn (T.c.biên)
5	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long (T.c.biên)
6	Mĩ thuật	Cánh diều	Nguyễn Thị Đông (T.c.biên)
7	GDTC	Cánh diều	Lưu Quang Hiệp (T.c.biên)
8	HĐTN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (T.c.biên)
9	Tiếng Anh	Global success	Hoàng Văn Vân
10	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng
11	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công

* *Lớp 4*

STT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (T.c.biên)
2	Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (T.c.biên)
4	Khoa học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (T.c.biên)
5	LS-ĐL	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (T.c.biên)
6	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (T.c.biên)
7	Mĩ thuật	Cánh diều	Nguyễn Thị Đông (T.c.biên)
8	GDTC	Cánh diều	Đinh Quang Ngọc (T.c.biên)
9	HĐTN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (T.c.biên)
10	Tiếng Anh	Global success	Hoàng Văn Vân (T.c.biên)
11	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (T.c.biên)
12	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (T.c.biên)

* *Lớp 5*

STT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (T.c.biên)
2	Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (T.c.biên)
4	Khoa học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (T.c.biên)
5	LS-ĐL	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (T.c.biên)
6	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (T.c.biên)
7	Mĩ thuật	Cánh diều	Nguyễn Thị Đông (T.c.biên)
8	GDTC	Cánh diều	Đinh Quang Ngọc (T.c.biên)
9	HĐTN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (T.c.biên)

10	Tiếng Anh	Global success	Hoàng Văn Vân (T.c.biên)
11	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (T.c.biên)
12	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (T.c.biên)

3.2. Bộ sách sử dụng cho hoạt động củng cố, tăng cường và lồng ghép tích hợp

Stt	Tên sách	Bộ sách	Tác giả
Lớp 1			
1	Vở bài tập Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (T.c.biên)
2	Vở bài tập Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Vở Tập viết	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (T.c.biên)
4	Vở thực hành Mỹ thuật	Sách Cánh diều	Phạm Văn Tuyền (T.c.biên)
5	Vở bài tập Tiếng Anh 1	i-learn Smart Start Workbook	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên)
6	GDKNCDS		
Lớp 2			
1	Vở bài tập Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (T.c.biên)
2	Vở bài tập Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Vở Tập viết	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (T.c.biên)
4	Vở thực hành Mỹ thuật	Sách Cánh diều	Nguyễn Thị Đông (T.c.biên)
5	Vở bài tập Tiếng Anh 2	i-learn Smart Start Workbook	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên)
6	GDKNCDS		
Lớp 3			
1	Vở bài tập Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
2	Vở bài tập Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Vở Tập viết	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
4	Vở thực hành Mỹ thuật	Sách Cánh diều	Nguyễn Thị Đông (T.c.biên)
5	Vở bài tập Tiếng Anh 3	Global success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên)
6	GDKNCDS		
Lớp 4			
1	Vở bài tập Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trần Thị Hiền Lương (T.c.biên)
2	Vở bài tập Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Vở bài tập Tiếng Anh 4	Global success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên)
4	GDKNCDS		
Lớp 5			

1	Vở bài tập Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trần Thị Hiền Lương (T.c.biên)
2	Vở bài tập Toán	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (T.c.biên)
3	Vở bài tập Tiếng Anh 5	Global success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên)
4	GDKNCDS		

4. Nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh chưa hoàn thành

4.1. Tổ chức bồi dưỡng học sinh năng khiếu

a. Bồi dưỡng học sinh năng khiếu về các môn học

- Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động giao lưu, “sân chơi” trí tuệ theo hình và điều kiện thực tế, lựa chọn triển khai hiệu quả các hoạt động câu lạc bộ học sinh để tổ chức các hoạt động giáo dục, giao lưu, sân chơi trí tuệ bổ ích và thân thiện nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh (Câu lạc bộ Văn-Toán tuổi thơ, Câu lạc bộ Tiếng Anh, CLB **Stem,...**), giao lưu Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số,... trên tinh thần tự nguyện tham gia của học sinh; các hoạt động phải phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và nội dung học tập của học sinh tiểu học. Phân công giáo viên làm chủ nhiệm các CLB và có kế hoạch thực hiện trong năm học.

- Giao cho các giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn có trách nhiệm bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chưa hoàn thành của môn học mình phụ trách, chưa đạt về năng lực và phẩm chất trong các tiết học buổi 2, xen kẽ trong các tiết học chính khóa, thời gian phù hợp.

- Giao GV tiếng Anh hướng dẫn học sinh tham gia các vòng thi tự luyện để đủ điều kiện tham gia cuộc thi Olympic Tiếng Anh trên Internet (IOE) dành cho học sinh phổ thông năm học 2025- 2026.

- Khuyến khích HS đăng ký tham gia trên tinh thần tự nguyện sân chơi “Trạng nguyên tiếng Việt”, “đấu trường Vloedu” trên Internet. Học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi sẽ được nhà trường khen thưởng và tôn vinh.

- Tổ chức Ngày hội Viết chữ đẹp, giao lưu học sinh năng khiếu tiếng Việt, Toán, tiếng Anh cấp trường, **động viên học sinh đăng ký tham gia các kỳ thi, giao lưu để phát triển năng lực do các cấp tổ chức.**

b. Bồi dưỡng sự hình thành và phát triển các năng lực- phẩm chất

Giúp giáo viên có hiểu biết cơ bản về nội dung chương trình của lớp học, cấp học. Mạnh dạn đổi mới cách thiết kế và tổ chức lớp học trong đó các hoạt động thực hành cần được thực hiện thường xuyên. Chuyển quá trình thuyết giảng một cách hình thức, áp đặt của người dạy thành quá trình tự học, tự tìm tòi, khám phá của người học.

Trong quá trình dạy học trên lớp, giáo viên có thể thực hiện theo trình tự:

- + Giúp học sinh nắm được mục tiêu nhiệm vụ học tập;
- + Tự mình giải quyết nhiệm vụ học tập;

+ Khi gặp khó khăn mới trao đổi với bạn (khi đó nhóm học tập hình thành một cách tự nhiên theo nhu cầu của chính các em).

+ Các bạn trong nhóm trao đổi bài kiểm tra cho nhau, nói cho nhau kết quả, cách làm của mình.

+ Báo cáo kết quả học tập trước lớp cho các bạn và cô giáo.

+ Thực hiện nhiệm vụ học tập mới.

4.2. Tổ chức phụ đạo học sinh chưa hoàn thành

a. Phụ đạo học sinh chưa hoàn thành từng môn học

- Thường xuyên tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn, tập trung trao đổi, chia sẻ về phương pháp dạy học và đổi mới các hình thức dạy học để giáo viên sát sao với việc học tập và rèn luyện của học sinh, dành nhiều thời gian hướng dẫn, giúp đỡ học sinh tự sửa lỗi và hoàn thành nội dung bài học.

- Tổ chức bàn giao chất lượng giữa lớp dưới lên lớp trên trong trường, có biên bản bàn giao cụ thể. Đầu năm học, đồng chí PHT tổ chức cho GVCN mới nhận bàn giao chất lượng giáo dục của lớp và ký cam kết chất lượng để phấn đấu trong năm. Hoàn thành trong tháng 9/2025.

- Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

b. Với học sinh chưa đạt về một số năng lực, phẩm chất

- Chỉ đạo giáo viên xây dựng môi trường học tập thân thiện; phân loại các đối tượng học sinh. Giáo viên cần xem xét, phân loại những học sinh chưa đạt về một số năng lực, phẩm chất đúng với những đặc điểm vốn có của các em để lựa chọn biện pháp giúp đỡ phù hợp với đặc điểm chung và riêng của từng em. Một số khả năng thường hay gặp ở học sinh là : sức khỏe kém, khả năng tiếp thu bài, lười học, thiếu tự tin, nhút nhát...Điều này đòi hỏi giáo viên phải thường xuyên quan sát, theo dõi cá nhân học sinh, nhóm học sinh trong quá trình học tập để có nhận định, động viên hoặc gợi ý, hỗ trợ kịp thời đối với từng việc làm, từng nhiệm vụ của mỗi cá nhân hoặc của cả nhóm học sinh. Đồng thời giáo viên còn quan sát từng học sinh để kịp thời đưa ra những nhận định về một số biểu hiện của phẩm chất và năng lực của học sinh. Từ đó, động viên, khích lệ, giúp học sinh khắc phục khó khăn, phát huy ưu điểm và các tố chất riêng, sửa chữa khuyết điểm để ngày càng tiến bộ.

- Trong khi học sinh học, giáo viên chọn vị trí thích hợp quan sát thái độ, cử chỉ nét mặt để phát hiện em nào gặp khó khăn, kịp thời có biện pháp giúp đỡ. Nếu nhiệm vụ học tập là vấn đề khó với đa số học sinh, giáo viên mới hướng dẫn chung với cả lớp. Để học sinh thuận lợi trong trao đổi, tương tác, việc kê bàn ghế cần bố trí phù hợp, nên kê theo nhóm, học sinh ngồi đối diện với nhau.

- Giáo viên phải giáo dục ý thức học tập của học sinh tạo cho học sinh sự hứng thú trong học tập, từ đó sẽ giúp cho học sinh có ý thức vươn lên. Trong mỗi tiết dạy giáo viên nên liên hệ nhiều kiến thức vào thực tế để học sinh thấy được

ứng dụng và tầm quan trọng của môn học trong thực tiễn. Từ đây, các em sẽ ham thích và say mê khám phá tìm tòi trong việc chiếm lĩnh tri thức. Bên cạnh đó, giáo viên phải tìm hiểu từng đối tượng học sinh về hoàn cảnh gia đình và nề nếp sinh hoạt, khuyến khích học sinh về thái độ học tập, tổ chức các trò chơi có lồng ghép việc giáo dục học sinh về ý thức học tập tốt và ý thức vươn lên trong học tập, làm cho học sinh thấy tầm quan trọng của việc học. Đồng thời, giáo viên phối hợp với gia đình giáo dục ý thức học tập của học sinh.

5. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá HS

5.1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh. Đa dạng các hình thức tổ chức dạy học (*trong và ngoài lớp học, trong và ngoài khuôn viên nhà trường*), khuyến khích các hình thức dạy học kết hợp nhằm giúp phát triển năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học, thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành giáo dục, đồng thời mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục cho học sinh, tạo điều kiện để các em được học ở mọi nơi, mọi lúc. Tổ chức tiết đọc và tiết học tại thư viện phù hợp với từng cấp học, bảo đảm thực hiện theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

Sử dụng các mô hình học tập kết hợp giữa lớp học truyền thống với các lớp học trực tuyến; cùng với việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ học tập ở trên lớp, coi trọng giao nhiệm vụ và hướng dẫn việc học tập ở nhà, ở ngoài nhà trường; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học; tăng cường mô hình học tập gắn với thực tiễn, xây dựng và sử dụng tủ sách lớp học, phát triển văn hóa đọc gắn với hoạt động của các câu lạc bộ khoa học trong nhà trường; tăng cường hoạt động giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy hứng thú học tập, rèn luyện kỹ năng sống, nâng cao hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa thế giới...

Vận dụng những thành tố tích cực của mô hình trường học mới; tiếp tục triển khai dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột đối với môn TN&XH 1-2-3, môn Khoa học lớp 4-5, thực hiện tối thiểu 02 tiết/năm học. (*ghi rõ trong sổ báo giảng cá nhân*).

Thực hiện dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới (*Công văn số 2070/BGDĐT-GDTH ngày 12/5/2016 của Bộ GDĐT về việc triển khai dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới ở tiểu học, trung học cơ sở*). **Thực hiện ít nhất 01 chủ đề/khối lớp/năm học.**

Vận dụng “Sơ đồ tư duy” vào tổ chức dạy học một số môn học, tiết học phù hợp; tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá môn Tiếng Việt theo hướng dẫn tại Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2021 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

Giáo viên tích cực khai thác các phần mềm hỗ trợ quá trình dạy học : Canva, Quizzi, Padlet,... **nền tảng dạy và học trên môi trường số OLM**, sử dụng linh hoạt, hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực, ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học, biên soạn tài liệu giảng dạy, thiết kế bài giảng, xây dựng ngân hàng đề kiểm tra, giao bài tập và đánh giá kết quả học tập cho học sinh...

Thực hiện dạy học lồng ghép các nội dung giáo dục: *giáo dục địa phương; giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục bảo vệ môi trường; giáo dục tài nguyên môi trường biển và hải đảo; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa cho học sinh tiểu học; giáo dục về quyền con người, phòng chống thiên tai, tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước ...)* linh hoạt theo các hình thức tổ chức phù hợp với điều kiện thực tế của đối tượng học sinh, địa phương và nhà trường.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn trong trường, tham dự cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/SDGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Sở GDĐT về hướng dẫn sinh hoạt tổ chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học. **Trong năm học, nhà trường căn cứ vào nhu cầu bồi dưỡng giáo viên, xây dựng kế hoạch tổ chức 06 chuyên đề cấp tổ và cấp trường; mỗi tháng tổ chức 01 hoạt động trải nghiệm/HĐTT phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường để phát triển kỹ năng, năng lực và phẩm chất cho học sinh. Khi tổ chức các hoạt động tập thể/HĐTN vào thời gian trong tuần, nhà trường sử dụng nền tảng dạy và học trên môi trường số OLM để tổ chức dạy học các môn học/HĐGD theo kế hoạch giáo dục môn học và thời khóa biểu của nhà trường.**

** Tổ chức các chuyên đề trong dạy và học*

TT	Nội dung	Thời gian	Phạm vi	Thành phần tham dự
1	Làm bạn với âm – vận qua Trí tuệ nhân tạo	Tháng 9/2025	Cấp tổ	BGH, GV toàn trường
2	Ứng dụng công nghệ số vào tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo thông qua môn Tin học lớp 5	Tháng 10/2025	Cấp tổ	BGH, GV toàn trường
3	Ứng dụng AI trong phát triển các phương pháp dạy học Toán hiệu quả	Tháng 10/2025	Cấp trường	BGH, GV toàn trường
4	Khám phá thế giới số qua học tập trực tuyến môn Toán lớp 4	Tháng 11/2025	Cấp trường	BGH, GV toàn trường
5	Đổi mới dạy học Đạo đức lớp 3 với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo AI	Tháng 11/2025	Cấp tổ	BGH, GV toàn trường

TT	Nội dung	Thời gian	Phạm vi	Thành phần tham dự
6	Tổ chức cho học sinh trải nghiệm, khám phá và tạo dựng sản phẩm STEM thông qua môn Nghệ thuật (Mĩ thuật) lớp 5	Tháng 12/2025	Cấp tổ	BGH, GV toàn trường

** Tổ chức hoạt động tập thể, trải nghiệm*

TT	Nội dung	Thời gian	Số tiết để HĐ	Thành phần tham dự
1	HĐ trải nghiệm: Tuyên truyền phòng cháy chữa cháy, tai nạn thương tích	29/9/2025	02	Toàn trường
2	HĐ trải nghiệm: Vui tết Trung thu	06/10/2025	02	Toàn trường
3	Tổ chức hoạt động ngoại khóa kỷ niệm ngày Nhà Giáo Việt Nam 20/11	20/11/2025	07	Toàn trường
4	Tổ chức hoạt động trải nghiệm: rèn tác phong bộ đội Cụ Hồ	22/12/2025	02	Toàn trường
5	Tổ chức hoạt động trải nghiệm: Truyền thống tết quê hương	13/02/2026	07	Toàn trường
6	HĐTT: Thiếu nhi vui khỏe- Tiến bước lên Đoàn	26/3/2026	02	Toàn trường
7	Tổ chức Ngày hội Văn hóa đọc	20/4/2026	07	Toàn trường
8	Tổ chức hoạt động ngoại khóa kỷ niệm ngày sinh nhật Bác	19/5/2026	07	Toàn trường
9	HĐTN: Tìm hiểu địa phương em	Tháng 5/2026	1 ngày	PH, HS đăng ký tham gia

Phân công CBQL, GV tham dự chuyên đề cụm trường theo phường Yên Tử để nâng cao chất lượng dạy học theo chương trình GDPT 2018 (nếu có).

5. 2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức đánh giá

Thực hiện đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/10/2020 và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

Thực hiện bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học một cách nghiêm túc, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

Bộ phận chuyên môn chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học có bài kiểm tra định kỳ. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Nhà trường thống nhất thời gian thực hiện các kì kiểm tra định kì trong năm học 2024-2025 như sau (xây dựng kế hoạch, lưu hồ sơ kiểm tra theo từng kì):

Kì kiểm tra định kì	Thời gian kiểm tra	Ghi chú
Giữa học kì I	Tuần 10: Ngày 12/11/2025	Môn Toán, Tiếng Việt lớp 4, lớp 5
Cuối học kì I	Tuần 17: Ngày 30,31/12/2025	Các môn đánh giá bằng điểm số từ lớp 1 đến lớp 5
Giữa học kì II	Tuần 27: Ngày 25/3/2026	Môn Toán, Tiếng Việt lớp 4, lớp 5
Cuối năm học	Tuần 34: Ngày 12, 13/5/2026	Các môn đánh giá bằng điểm số từ lớp 1 đến lớp 5

6. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

6.1. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc

Tiếp tục tham mưu với phòng VH-XH phường Yên Tử để thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT. Phân công CBQL chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục của nhà trường, phân công nhiệm vụ cho giáo viên trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

6.2. Giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

Nhà trường hiện có 06 HSKT, giao trách nhiệm cho bộ phận chuyên môn và giáo viên trực tiếp giảng dạy xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật thông qua việc điều chỉnh chương trình học phù hợp với nhu cầu, khả năng của từng em; tăng cường phát hiện sớm, can thiệp sớm và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ giáo viên về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh khuyết tật theo hướng linh hoạt, hiệu quả.

6.3. Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục dân tộc

Tiếp tục chỉ đạo triển khai hiệu quả các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường. Tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.

Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên về tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số thông qua các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên; Giữ mối liên hệ, phối kết hợp chặt chẽ, thường xuyên với gia đình, duy trì sĩ số học sinh, nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và học.

7. Tổ chức dạy học các môn Ngoại ngữ 1, Tin học theo Chương trình GDPT cấp tiểu học

7.1. Tổ chức dạy học Ngoại ngữ 1 Tiếng Anh

- Thực hiện Chương trình môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh cho 100% học sinh lớp 3-4-5 đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình GDPT 2018: thực hiện theo Chương trình GDPT môn Tiếng Anh ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018; Công văn số 946/SGDĐT-GDPT ngày 07/4/2022 của Sở GDĐT về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học.

- Giao Chuyên môn và GV dạy tiếng Anh xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng hệ thống học liệu phù hợp với điều kiện, cơ sở hạ tầng của nhà trường theo hướng dẫn của Sở GDĐT tại Kế hoạch số 440/KH-SGDĐT tạo ngày 24/2/2025.

7.2. Tổ chức dạy học Tin học

- Tổ chức dạy học môn Tin học từ lớp 3 theo Chương trình GDPT 2018, bảo đảm học sinh được tiếp cận sớm với kỹ năng số cơ bản, phù hợp với tâm lý lứa tuổi. Thực hiện tích hợp các chủ đề phát triển năng lực số thông qua hoạt động trải nghiệm, mô hình STEM đơn giản.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn tại Công văn số 2197/SGDĐT-GDTrH ngày 11/9/2019 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tin học trong các trường phổ thông từ năm học 2019-2020; tạo cơ hội cho học sinh lớp 1, lớp 2 được tiếp cận giáo dục Tin học để thực hiện *“hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số”*. Thực hiện giảng dạy nội dung giáo dục kỹ năng công dân số thông qua dạy học môn Tin học; tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của nhà trường. Năm học 2025 – 2026 nhà trường xây dựng khung chương trình học tập GDKN CDS đảm bảo 1 tiết/tuần/lớp theo KHGD môn học. **Giao bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn cho đội ngũ GV nhà trường thực hiện.**

8. Thực hiện giáo dục STEM

- Thực hiện nghiêm túc Công văn số 2964/SGDĐT-GDPT ngày 18/10/2022 về việc hướng dẫn triển khai giáo dục STEM cấp Tiểu học từ năm học 2022-2023 và Công văn số 300/SGDĐT-GDPT ngày 31/3/2025 về tăng cường triển khai giáo dục STEM đối với Giáo dục tiểu học. Xây dựng kế hoạch, tổ chức giáo dục STEM trong kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục để tổ chức thực hiện.

- Cử cán bộ quản lý, giáo viên tham gia bồi dưỡng, tập huấn thực hiện giáo dục STEM; đưa nội dung dạy học theo định hướng giáo dục STEM vào nội dung sinh hoạt chuyên môn của nhà trường; tổ chức cho các tổ chuyên môn rà soát các bài dạy theo định hướng giáo dục STEM của từng khối lớp. Giáo viên sử dụng hiệu quả nguồn học liệu tại địa chỉ website <https://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/07/2014 của Bộ GDĐT quy định về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Mỗi tổ chuyên môn tổ chức ít nhất **02 chuyên đề/ĐMSHCM** theo định hướng giáo dục STEM/ năm học. **Mỗi giáo viên tổ chức thực hiện tối thiểu 02 bài học/ học kì.**

- Khuyến khích giáo viên tự học, bồi dưỡng về dạy học theo định hướng giáo dục STEM; chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi những khó khăn vướng mắc với đồng nghiệp, cán bộ phụ trách chuyên môn nhà trường để kịp thời tháo gỡ.

9. Tổ chức dạy học giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018

- Thực hiện tổ chức dạy học mạch nội dung giáo dục “Địa phương em” theo Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ninh trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung “Địa phương và các vùng miền của Việt Nam” theo quy định của Chương trình GDPT 2018 và sách giáo khoa được lựa chọn đối với môn Lịch sử và Địa lí lớp 4, 5. **Tiếp tục thực hiện điều chỉnh, cập nhật dữ liệu, những yếu tố đặc thù về địa - chính trị, địa - kinh tế, địa - văn hóa, địa - tự nhiên, sinh thái..., các thành tựu về phát triển văn hóa, kinh tế-xã hội, nguồn nội lực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; công tác bảo đảm an sinh, an dân, an ninh, trật tự xã hội, ổn định phát triển kinh tế, giữ vững đà tăng trưởng,...để kịp thời triển khai năm học 2025-2026 (điều chỉnh các thông tin khi thực hiện chính quyền hai cấp cho phù hợp).**

- Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương tích hợp vào dạy học các môn học và Hoạt động trải nghiệm theo quy định của chương trình một cách linh hoạt, mềm dẻo, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của địa phương, đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục; giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, phương thức, không gian, thời gian hoạt động phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện thực tế và nội dung giáo dục của các môn học; kết hợp học tập trên lớp với tổ chức hoạt động trải nghiệm, thực hành, tham quan thực tế, sưu tầm tư liệu, ngoại khoá, thực hiện dự án, hoạt động phục vụ cộng đồng, hoạt động tình nguyện,... nhằm gắn lí luận với thực tiễn, tạo hứng thú học tập, nâng cao hiểu biết về thời sự, văn hoá, lịch sử, kinh tế - xã hội,... địa phương cho học sinh.

- Thực hiện cập nhật, bổ sung hệ giá trị lịch sử, văn hoá, con người Quảng Ninh vào dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Công văn số 1985/SGDĐT-GDPT ngày 18/6/2024 của Sở GDĐT Quảng Ninh.

10. Sử dụng bộ thiết bị đổi mới phương pháp dạy học lấy học sinh làm trung tâm (thiết bị dạy học trải nghiệm- phòng học Robotic)

Thực hiện sử dụng theo 2 hình thức:

- Thực hiện dạy học lồng ghép vào các môn học Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Công nghệ và sử dụng các thiết bị dạy học môn Toán trong các tiết học phù hợp với năng lực của học sinh.

- Thực hiện dạy học trải nghiệm đối với học sinh các khối lớp 3,4,5 với thời lượng 2 tiết/tháng được tổ chức ở các tiết buổi 2, bố trí vào 1 vào buổi/tuần

11. Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành giáo dục

11.1. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, quản trị trường học

- Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” và Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch 1295/KH-SGDĐT ngày 16/6/2025 của Sở GDĐT về Thực hiện Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 21/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Thực hiện một số nội dung chuyển đổi số: Quản lý HS trên phần mềm SMAS, học bạ số, thư viện số. Sử dụng hệ thống quản lý trường học trực tuyến, ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong quản trị trường học, sử dụng hệ thống học liệu OLM trong công tác quản trị và công tác dạy – học.

- Thường xuyên cập nhật dữ liệu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”, kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu của Sở GDĐT, Bộ GDĐT, UBND tỉnh, đáp ứng yêu cầu chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Rà soát, đăng ký chứng thư số, chữ ký số cho 100% cán bộ quản lý, giáo viên; thực hiện xử lý công việc trên môi trường mạng; triển khai sổ sách, sổ điểm điện tử, học bạ số thay thế hoàn toàn hồ sơ giấy. Khuyến khích cán bộ quản lý,

giáo viên, nhân viên, người lao động giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục theo hướng sử dụng các giấy tờ được tích hợp trong tài khoản định danh VNeID; thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

- Phát động Phong trào thi đua “Quảng Ninh thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”¹; thực hiện tự đánh giá mức độ chuyển đổi số tại đơn vị theo các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT: (1) Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; (2) Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non.

11.2. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học; phát triển nguồn nhân lực số trong ngành giáo dục

Thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ quản lý, giáo viên tại đơn vị sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ thiết yếu khác; lồng ghép, tích hợp nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm kỹ năng cần thiết cho công dân số đáp ứng các mục tiêu phong trào “Bình dân học vụ số”².

Tăng cường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo trong thiết kế bài giảng điện tử, học liệu số, ngân hàng câu hỏi trực tuyến trên nền tảng LMS. Sử dụng hệ thống học liệu OLM trong công tác quản trị và công tác dạy – học. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực, nâng cao chất lượng dạy học trực tuyến, dạy học kết hợp trực tiếp kết hợp trực tuyến. Thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ trên nền tảng số đối với các cơ sở giáo dục đáp ứng điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng số.

Phối hợp với mạng viễn thông Viettel liên quan tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong vận hành, khai thác hiệu quả các hệ thống dữ liệu và nền tảng số; năng lực của nhân viên phụ trách thiết bị, hạ tầng số.

11.3. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

Triển khai phong trào, nâng cao chất lượng chuyên môn trong nghiên cứu khoa học nhằm góp phần phát triển sức sáng tạo, khả năng làm việc độc lập, trau dồi tri thức, tăng cường sự hiểu biết về chuyên môn nghiệp vụ; phấn đấu có đề tài/sáng kiến kinh nghiệm trong ngành giáo dục.

Đẩy mạnh giáo dục STEM, tổ chức ngày hội STEM, khuyến khích học sinh tham gia Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, ... để bồi dưỡng năng lực công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ cho học sinh .

¹ Kế hoạch số 1965/KH-SGDĐT ngày 04/8/2025 của Sở SGDĐT về phát động và tổ chức triển khai thực hiện Phong trào thi đua “Quảng Ninh thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” trong ngành Giáo dục.

² Kế hoạch số 810/KH-SGDĐT ngày 13/5/2025 của Sở GDĐT về hưởng ứng, triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”.

12. Phân công nhiệm vụ

12.1. Phân công giảng dạy

STT	Họ tên	Trình độ	Chuyên môn	Phân công
1	Dương Thị Hồng Luyến	ĐH	TH	02 tiết
2	Nguyễn Thị Duyên	ĐH	TH	04 tiết
3	Đỗ Thị Hoà	ĐH	TH	GVCN-1A1
4	Lương Thị Thanh Linh	ĐH	TH	GVCN-1A2
5	Lý Thị Thơm	ĐH	TH	GVCN-2A1
6	Nguyễn Thị Thùy	ĐH	TH	GVCN-2A2
7	Nguyễn Thị Mai Lệ	ĐH	TH	GVCN-3A1
8	Mã Phương Thúy	ĐH	TH	GVCN-3A2
9	Nguyễn Thúy Hằng Ninh	ĐH	TH	GVCN-4A1
10	Nguyễn Thị Miện	ĐH	TH	GVCN-4A2
11	Trần Thị Thương	ĐH	TH	GVCN-5A1
12	Lý Thị Phượng	ĐH	TH	GVCN-5A2
13	Ngô Thị Lan	ĐH	MT	Mĩ thuật, Tin học; Công nghệ và các môn học khác theo phân công
14	Dương Thị Bích Nhân	ĐH	ÂN	Âm nhạc và các môn học khác theo phân công
15	Nguyễn Thị Thanh Thùy	ĐH	TA	Tiếng Anh và các môn học khác theo phân công
16	Nguyễn Thị Nga	ĐH	TA	Tiếng Anh, Tin học và các môn học khác theo phân
17	Lưu Thị Lan Anh	ĐH	TH	TPT và giảng dạy các môn học theo phân công
18	Phạm Thị Đông	ĐH	TH	Dạy buổi 2
19	Đặng Thị Thìn	ĐH	TH	Dạy buổi 2

* Cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện giảng dạy nghiêm túc theo thời khoá biểu đã phân công (*Phụ lục 3*).

12.2. Phân công phụ trách các môn học và cốt cán

STT	Họ và tên giáo viên	Môn học/ Hoạt động giáo dục được phân công phụ trách
1	Đỗ Thị Hòa	Toán 1, Tiếng Việt 1, Đạo đức 1, HĐTN 1, TNXH 1
2	Lý Thị Thơm	Toán 2, Đạo đức 2, HĐTN 2
3	Nguyễn Thị Thùy	Tiếng Việt 2, TNXH 2, HĐTN 2

STT	Họ và tên giáo viên	Môn học/ Hoạt động giáo dục được phân công phụ trách
4	Nguyễn Thị Mai Lệ	Toán 3, Tiếng Việt 3 Đạo đức 3, HĐTN 3, TNXH 3
5	Nguyễn Thị Miện	Tiếng Việt 4, HĐTN 4, Khoa học 4
6	Nguyễn Thúy Hằng Ninh	Toán 4, LS&ĐL 4, Đạo đức 4
7	Trần Thị Thương	Tiếng Việt 5, HĐTN 5, Khoa học 5
8	Lý Thị Phương	Toán 5, LS&ĐL 5, Đạo đức 5
9	Ngô Thị Lan	NT Mĩ thuật 1-2-3-4-5; Tin học 3
10	Dương Thị Bích Nhân	NT Âm nhạc 1-2-3-4-5
11	Nguyễn Thị Nga	Tin học 4-5; Tiếng Anh

13. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

Giao bộ phận chuyên môn xây dựng cụ thể quy chế chuyên môn để tổ chức các hoạt động chuyên môn theo nhiệm vụ năm học.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

a) Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền; thực hiện phân khai khung thời gian cụ thể theo tuần trong năm học để điều chỉnh các tiết học bù, chuyển đổi và thực hiện quản lý các hoạt động dạy học tại trường, chủ động xác định các ngày nghỉ lễ trong năm học nếu trùng vào ngày nào trong tuần sẽ lên phương án điều chỉnh các tiết học bù, chuyển đổi để thực hiện quản lý các hoạt động dạy học tại trường; ký duyệt các kế hoạch của Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng và nhân viên;

b) Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó;

c) Ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch giáo dục nhà;

d) Phân công, quản lý, đánh giá, xếp loại; tham gia quá trình tuyển dụng, chuyển chuyển; khen thưởng, thi hành kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định;

e) Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường Quản lý ngân sách, Chủ tài khoản Thực hiện chi trả chế độ của cán bộ, giáo viên, nhân viên; Quản lý đội ngũ; Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhà trường; Phụ trách công tác thi đua; kiểm tra nội bộ.

g) Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học; Đánh giá chuẩn NGGVTH, CHT, Xếp loại viên chức lao động; KĐCL và chuẩn Quốc gia.

h) Thực hiện công tác công khai, kiểm tra nội bộ.

i) Quản lý cơ sở vật chất. Quản lý chỉ đạo dạy thêm học thêm. Công tác bán trú.

k) Quản lý học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường; tiếp nhận, giới thiệu học sinh chuyển trường; quyết định khen thưởng, kỉ luật, phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại, danh sách học sinh lên lớp, ở lại lớp; tổ chức kiểm tra, xác nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường phụ trách;

l) Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lí; tham gia giảng dạy bình quân 2 tiết trong một tuần; được hưởng chế độ phụ cấp và các chính sách ưu đãi theo quy định;

m) Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục;

n) Thực hiện xã hội hoá giáo dục; tham mưu với Đảng ủy, HĐND, UBND, Công an phường và các ban ngành đoàn thể phường Yên Tử để huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng.

2. Phó Hiệu trưởng

Phụ trách và chỉ đạo thực hiện một số lĩnh vực nhà trường do Hiệu trưởng phân công. Cụ thể như sau:

a) Công tác chuyên môn:

- Xây dựng kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục; kế hoạch giáo dục nhà trường và chỉ đạo tổ chức hoạt động về công tác chuyên môn.

- Quản lý hoạt động dạy học, giáo dục theo các quy định hiện hành và Kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- Ra đề kiểm tra định kì cuối năm học và đề kiểm tra bất thường các môn Toán, Tiếng Việt từ khối 1-5; Khoa học, Lịch sử- Địa lí khối lớp 4-5.

- Ký duyệt các hồ sơ hoạt động về chuyên môn của giáo viên (Sổ báo giảng, KHBD, sổ theo dõi đánh giá học sinh, sổ công tác chủ nhiệm, học bạ,...) và các văn bản gửi cấp trên thuộc lĩnh vực chuyên môn khi được Hiệu trưởng uỷ quyền.

- Tổ chức, chỉ đạo thực hiện các chuyên đề; BDTX; Bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên.

- Quản lý các loại hồ sơ lưu thuộc lĩnh vực chuyên môn: học bạ học sinh, bảng tổng hợp đánh giá học sinh, công tác kiểm định chất lượng và chuẩn Quốc gia.

- Thống kê, tổng hợp và quản lý các chỉ số, số liệu về chuyên môn.

b) Chỉ đạo thực hiện công tác phổ cập GD: Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác PCGD. Quản lý, phụ trách hồ sơ phổ cập GD theo đúng quy định.

c) Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện HĐGDNGLL; Công tác giáo dục chính trị và công tác HSSV; ATGT; công tác đảm bảo ANTT, phòng chống tai nạn thương tích, AT trường học; CNTT và hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh nhà trường.

d) Thay mặt Hiệu trưởng điều hành các hoạt động, giúp Hiệu trưởng giải quyết những công việc, ký duyệt các hoạt động của cán bộ, giáo viên và các văn bản gửi cấp trên thuộc lĩnh vực phụ trách khi được Hiệu trưởng uỷ quyền.

e) Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lí; tham gia giảng dạy bình quân 4 tiết trong một tuần; được hưởng chế độ phụ cấp và các chính sách ưu đãi theo quy định.

g) Tham gia các công việc khác khi Hiệu trưởng giao.

Chịu trách nhiệm cá nhân về các lĩnh vực mình được phụ trách, đồng thời chịu trách nhiệm cùng Hiệu trưởng trong công tác quản lý nhà trường trước UBND phường Yên Tử.

3. Tổ trưởng, tổ phó chuyên môn

- Nghiên cứu chương trình môn học, hoạt động giáo dục, nghiên cứu sách giáo khoa sử dụng tại nhà trường, các sách giáo khoa khác thực hiện môn học, hoạt động giáo dục có trong danh mục được Bộ GDĐT phê duyệt để xác định các mạch nội dung, kiến thức, chủ đề học tập, nghiên cứu yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, thời lượng thực hiện, các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá đối với môn học,...đưa vào kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục; nghiên cứu kế hoạch thời gian thực hiện chương trình các môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, hướng dẫn thực hiện các môn học, hoạt động giáo dục của các cấp có thẩm quyền và các quy định khác có liên quan của Hiệu trưởng nhà trường.

- Nghiên cứu điều kiện tổ chức dạy học môn học, hoạt động giáo dục gồm: đội ngũ giáo viên, nguồn học liệu, thiết bị dạy học, phòng học bộ môn; nội dung giáo dục địa phương, xác định những chủ đề/bài học có những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung (*nếu có*,) chủ đề hoạt động giáo dục tập thể, nội dung thực hiện tích hợp liên môn và các điều kiện đảm bảo khác có liên quan để tổ chức các hoạt động giáo dục môn học, hoạt động giáo dục trong năm học tại nhà trường.

- Điều hành các hoạt động chuyên môn trong phạm vi tổ. Hướng dẫn tổ viên xây dựng kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo phát huy vai trò từng cá nhân, tính tương tác, hợp tác các thành viên trong tổ để đảm bảo tính liên thông giữa các môn học và hoạt động giáo dục. Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học môn học, hoạt động giáo dục theo kế hoạch; giám sát, kiểm tra, đánh giá và đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục trong quá trình thực hiện.

- Căn cứ vào kế hoạch của nhà trường, xây dựng các kế hoạch hoạt động của tổ theo năm học, tháng, tuần và chỉ đạo tổ viên thực hiện theo kế hoạch.

- Tổ chức thực hiện các phong trào thi đua trong tổ, đề nghị khen thưởng và kỷ luật đối với tổ viên. Thực hiện đánh giá xếp loại thi đua, xếp loại tổ viên chức và chuẩn nghề nghiệp giáo viên trong tổ hằng năm.

- Tham gia cùng nhà trường trong công tác kiểm đánh giá tra hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh. Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học, kiểm định chất lượng giáo dục theo nhiệm vụ được phân công. Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục.

4. Tổng phụ trách Đội TNTP HCM

- Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

- Thực hiện tốt chủ đề năm học. Hoạt động theo điều lệ Đội - Hội đồng đội phường Yên Tử quy định. Thực hiện chỉ đạo của Ban giám hiệu nhà trường; thực hiện tốt nền nếp thể dục giữ giờ, sinh hoạt Sao, công tác trực ban, công tác chủ nhiệm, công tác ATGT,...

- Xây dựng dự thảo kế hoạch hoạt động, thống nhất với tổ chuyên môn, giáo viên làm công tác chủ nhiệm về hình thức và nội dung tiết Sinh hoạt dưới cờ để thực hiện trong toàn trường.

- Tích cực chủ động tham gia thực hiện công tác tổ chức tốt các đợt thi đua, phong trào văn nghệ trong học sinh, các hoạt động hỗ trợ giáo dục, ... do nhà trường chỉ đạo góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

5. Giáo viên chủ nhiệm

- Chủ động nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa và các nội dung liên quan khác; tìm hiểu về đặc điểm đối tượng học sinh gồm: các đặc điểm về vùng miền; hoàn cảnh gia đình của học sinh; chất lượng học tập lớp dưới (*dựa vào hồ sơ bàn giao chất lượng giáo dục*)...; **lập kế hoạch dạy học cho môn học, hoạt động giáo dục mình phụ trách, phù hợp điều kiện thực tiễn**. Xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường; thường xuyên cập nhật những chỉ đạo của ngành; chuẩn bị, tổ chức dạy học và đánh giá học sinh theo quy định; thực hiện các hoạt động chuyên môn khác.

- Xây dựng mối quan hệ thân thiện, dân chủ giữa giáo viên với học sinh, với cha mẹ học sinh và cộng đồng. Chủ động nắm bắt thông tin từng học sinh của lớp được phân công làm công tác chủ nhiệm; xây dựng các hoạt động giáo dục của lớp phụ trách theo ngày/tuần/tháng phù hợp với kế hoạch chung của toàn khối, toàn trường, thống nhất với tổ chuyên môn, tổng phụ trách đội về hình thức và nội dung tiết Sinh hoạt dưới cờ để thực hiện trong toàn trường.

- Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; ứng xử văn hóa, đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; gương mẫu trước học sinh; thương yêu, đối xử công

bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của học sinh.

- Thực hiện tự đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên; tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên giáo viên theo quy định; trao đổi chia sẻ chuyên môn cùng đồng nghiệp trong và ngoài nhà trường thông qua các đợt sinh hoạt chuyên môn, tập huấn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập và sinh hoạt chuyên môn; sáng tạo, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học.

- Tham gia và lựa chọn sách giáo khoa theo quy định; đề nghị nhà trường trang bị các xuất bản phẩm tham khảo, thiết bị dạy học theo quy định, phù hợp để sử dụng trong quá trình dạy học.

- Tham gia kiểm định chất lượng giáo dục.

- Tham gia thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ ở địa phương.

- Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh, cộng đồng và các tổ chức xã hội liên quan để thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của hiệu trưởng.

6. Giáo viên phụ trách môn học

- Thực hiện nghiêm túc nội quy chế chuyên môn, lập kế hoạch giáo dục cho môn học mình phụ trách theo ngày/tuần/tháng phù hợp với kế hoạch chung của nhà trường. Xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường; thường xuyên cập nhật những chỉ đạo của ngành; chuẩn bị, tổ chức dạy học và đánh giá học sinh theo quy định; thực hiện các hoạt động chuyên môn khác.

- Xây dựng mối quan hệ thân thiện, dân chủ giữa giáo viên với học sinh, với cha mẹ học sinh và cộng đồng; giúp học sinh chủ động, sáng tạo, tự tin, tự chủ trong học tập và rèn luyện.

- Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; ứng xử văn hóa, đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; gương mẫu trước học sinh; thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của học sinh.

- Thực hiện tự đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên; tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên giáo viên theo quy định; trao đổi chia sẻ chuyên môn cùng đồng nghiệp trong và ngoài nhà trường thông qua các đợt sinh hoạt chuyên môn, tập huấn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập và sinh hoạt chuyên môn; sáng tạo, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học.

- Tham gia lựa chọn sách giáo khoa theo quy định; đề nghị nhà trường trang bị các xuất bản phẩm tham khảo, thiết bị dạy học theo quy định, phù hợp để sử dụng trong quá trình dạy học.

- Tham gia kiểm định chất lượng giáo dục.

- Tham gia thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ ở địa phương.
- Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh, cộng đồng và các tổ chức xã hội liên quan để thực hiện nhiệm vụ giáo dục.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của hiệu trưởng.

7. Nhân viên

- Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, nhân viên kế toán, nhân viên phụ trách thiết bị- thư viện xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động cá nhân theo tuần, tháng, năm học nhằm phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường.
- Tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của tổ, nhà trường và các cấp quản lý giáo dục. Tùy theo vị trí việc làm, nhân viên trường tiểu học thực hiện nhiệm vụ theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của vị trí việc làm đang đảm nhiệm.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi hiệu trưởng phân công.

Trên đây là kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 của trường Tiểu học Kim Đồng. Yêu cầu cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, cần trao đổi với Ban giám hiệu để cùng giải quyết nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ năm học đề ra./.

Nơi nhận:

- UBND phường Yên Tử (b/c)
- Phòng VH-XH phường (b/c);
- BGH, TTCM, TTVP;
- Website trường;
- Lưu NT(th/h).

HIỆU TRƯỞNG



Dương Thị Hồng Luyện

